

UBND TỈNH BÌNH THUẬN

PHỤ LỤC

Bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số 458 /QĐ-UBND ngày 16 /02/2022 của UBND tỉnh)

STT	Loại khoáng sản	Vị trí mỏ	Diện tích (ha)	Trữ lượng dự kiến (m ³)	Điểm góc	X (m)	Y (m)	Ký hiệu trên bản đồ
1	Vật liệu san lấp	Thôn Phú Thái, xã Hàm Trí, huyện Hàm Thuận Bắc	5,5	350.000	1	1.230.945	462.218	QH.BS-SL9
					2	1.231.015	462.283	
					3	1.231.040	462.295	
					4	1.231.033	462.347	
					5	1.231.071	462.380	
					6	1.231.155	462.396	
					7	1.231.173	462.274	
					8	1.231.236	462.301	
					9	1.231.214	462.390	
					10	1.231.319	462.416	
					11	1.231.279	462.541	
					12	1.231.183	462.526	
					13	1.230.900	462.365	
2	Vật liệu san lấp	Thôn Lâm Giang, xã Hàm Trí, huyện Hàm Thuận Bắc	6,0	360.000	1	1.229.525	460.885	QH.BS-SL10
					2	1.229.391	460.768	
					3	1.229.429	460.739	
					4	1.229.552	460.706	
					5	1.229.554	460.591	
					6	1.229.324	460.642	
					7	1.229.292	460.580	
					8	1.229.327	460.547	
					9	1.229.320	460.511	
					10	1.229.465	460.478	
					11	1.229.470	460.497	
					12	1.229.658	460.608	
					13	1.229.658	460.628	
					14	1.229.655	460.643	
					15	1.229.624	460.702	
16	1.229.613	460.755						
17	1.229.589	460.758						
18	1.229.574	460.790						